

Số: 445/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ chụp cắt lớp vi tính từ 256 dãy theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-SYT ngày 05/09/2013 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-BVT ngày 02/01/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Trưởng khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ chụp cắt lớp vi tính từ 256 dãy theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế một phần Quyết định số 3190/QĐ-BVT ngày 30/12/2024 về việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các khoa/phòng trong Bệnh viện căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, KHTH, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH. BỔ SUNG GIÁ DỊCH VỤ CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TỪ 256 DÂY THEO YÊU CẦU
ÁP DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH
(Kèm theo Quyết định số 445/QĐ-BVT ngày 03/03/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên dịch vụ	Mã TT23/2024 (7 ký tự)	Mã tương đương	Giá yêu cầu điều chỉnh lại theo Quyết định 445/QĐ-BVT ngày 03/03/2025 (VNĐ)	Ghi chú NQ 247/2024-HĐND
1	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ ≥ 256 dây)	18.0244	18.0244.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dây)	18.0283	18.0283.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dây)	18.0285	18.0285.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
4	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dây)	18.0287	18.0287.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
5	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ ≥ 256 dây)	18.0253	18.0253.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
6	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ ≥ 256 dây)	18.0215	18.0215.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
7	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu (từ ≥ 256 dây)	18.0254	18.0254.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
8	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ ≥ 256 dây)	18.0214	18.0214.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
9	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ ≥ 256 dây)	18.0249	18.0249.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
10	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ ≥ 256 dây)	18.0248	18.0248.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
11	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ ≥ 256 dây)	18.0246	18.0246.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
12	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ ≥ 256 dây)	18.0290	18.0290.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

STT	Tên dịch vụ	Mã TT23/2024 (7 ký tự)	Mã tương đương	Giá yêu cầu điều chỉnh lại theo Quyết định 445/QĐ-BVT ngày 03/03/2025 (VNĐ)	Ghi chú NQ 247/2024-HĐND
13	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0289	18.0289.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
14	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0210	18.0210.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
15	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ ≥ 256 dãy)	18.0295	18.0295.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
16	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ ≥ 256 dãy)	18.0294	18.0294.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
17	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ ≥ 256 dãy)	18.0252	18.0252.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
18	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ ≥ 256 dãy)	18.0250	18.0250.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
19	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ ≥ 256 dãy)	18.0247	18.0247.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
20	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ ≥ 256 dãy)	18.0243	18.0243.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
21	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0292	18.0292.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
22	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0185	18.0185.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
23	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0180	18.0180.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
24	Chụp CLVT mạch máu não (từ ≥ 256 dãy)	18.0182	18.0182.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
25	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0179	18.0179.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

STT	Tên dịch vụ	Mã TT23/2024 (7 ký tự)	Mã tương đương	Giá yêu cầu điều chỉnh lại theo Quyết định 445/QĐ-BVT ngày 03/03/2025 (VNĐ)	Ghi chú NQ 247/2024-HĐND
26	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0188	18.0188.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
27	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ ≥ 256 dãy)	18.0181	18.0181.0046	1.732.400	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
28	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ ≥ 256 dãy)	18.0244	18.0244.0047	1.486.800	-
29	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0282	18.0282.0047	1.486.800	-
30	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0284	18.0284.0047	1.486.800	-
31	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0286	18.0286.0047	1.486.800	-
32	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ ≥ 256 dãy)	18.0246	18.0246.0047	1.486.800	-
33	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0288	18.0288.0047	1.486.800	-
34	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0209	18.0209.0047	1.486.800	-
35	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ ≥ 256 dãy)	18.0213	18.0213.0047	1.486.800	-
36	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ ≥ 256 dãy)	18.0211	18.0211.0047	1.486.800	-
37	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u (từ ≥ 256 dãy)	18.0212	18.0212.0047	1.486.800	-
38	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ ≥ 256 dãy)	18.0251	18.0251.0047	1.486.800	-
39	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ ≥ 256 dãy)	18.0243	18.0243.0047	1.486.800	-

STT	Tên dịch vụ	Mã TT23/2024 (7 ký tự)	Mã tương đương	Giá yêu cầu điều chỉnh lại theo Quyết định 445/QĐ-BVT ngày 03/03/2025 (VNĐ)	Ghi chú NQ 247/2024-HĐND
40	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0291	18.0291.0047	1.486.800	-
41	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0184	18.0184.0047	1.486.800	-
42	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ ≥ 256 dãy)	18.0190	18.0190.0047	1.486.800	-
43	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ ≥ 256 dãy)	18.0186	18.0186.0047	1.486.800	-
44	Chụp CLVT hốc mắt (từ ≥ 256 dãy)	18.0189	18.0189.0047	1.486.800	-
45	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ ≥ 256 dãy)	18.0183	18.0183.0047	1.486.800	-
46	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ ≥ 256 dãy)	18.0178	18.0178.0047	1.486.800	-
47	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ ≥ 256 dãy)	18.0187	18.0187.0047	1.486.800	-
48	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ ≥ 256 dãy)	18.0293	18.0293.0048	3.493.600	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
49	Chênh lệch dịch vụ YC-BHYT giữa chụp CLVT 512 dãy với 32 dãy có thuốc cản quang			1.069.000	
50	Chênh lệch dịch vụ YC-BHYT giữa chụp CLVT 512 dãy với 32 dãy không có thuốc cản quang			936.700	
51	Chênh lệch dịch vụ YC-BHYT giữa chụp CLVT 512 dãy với 128 dãy			1.303.200	